



GOETHE-ZERTIFIKAT B1

DURCHFÜHRUNGSBESTIMMUNGEN CÁC QUY ĐỊNH TỔ CHỨC THI

Stand: 1. September 2025

Cập nhật: 01.09.2025

Zertifiziert durch
Chứng nhận bởi



**GOETHE
INSTITUT**

Sprache. Kultur. Deutschland.

Durchführungsbestimmungen zur Prüfung GOETHE-ZERTIFIKAT B1 für Erwachsene und Jugendliche

Stand: 1. September 2025

Die *Durchführungsbestimmungen* zur Prüfung GOETHE-ZERTIFIKAT B1 für Erwachsene und Jugendliche sind Bestandteil der *Prüfungsordnung des Goethe-Instituts* in ihrer jeweils aktuellen Fassung.

Die *Durchführungsbestimmungen* beschreiben die Bestandteile der einzelnen Prüfungen und regeln die prüfungsspezifischen Bedingungen der Prüfungsorganisation, des Ablaufs und der Bewertung sowie die Berechnung der Prüfungsergebnisse.

Das GOETHE-ZERTIFIKAT B1 wurde gemeinsam entwickelt vom Goethe-Institut, dem ÖSD und dem Bereich Mehrsprachigkeitsforschung und Fremdsprachendidaktik/Deutsch als Fremdsprache der Universität Fribourg/Schweiz. Die Prüfung wird an den in § 2 der *Prüfungsordnung* genannten Prüfungszentren weltweit nach einheitlichen Kriterien durchgeführt und bewertet.

Die Prüfung dokumentiert die dritte Stufe – B1 – der im *Gemeinsamen europäischen Referenzrahmen für Sprachen (GER)* beschriebenen sechsstufigen Kompetenzskala und damit die Fähigkeit zur selbstständigen Sprachverwendung.

§ 1 Prüfungsbeschreibung

Siehe hierzu auch *Prüfungsordnung* § 1.

1.1 Bestandteile der Prüfung

Die Prüfung GOETHE-ZERTIFIKAT B1 für Erwachsene und Jugendliche besteht aus vier Modulen, die einzeln oder in Kombination abgelegt werden können:

- drei schriftliche Module als Gruppenprüfung: LESEN, HÖREN, SCHREIBEN,
- ein mündliches Modul als Paar- oder (in Ausnahmefällen) Einzelprüfung: SPRECHEN.

Các quy định tổ chức kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT B1 dành cho người trưởng thành và thanh thiếu niên

Cập nhật: 01.09.2025

Các quy định tổ chức kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT B1 dành cho người trưởng thành và thanh thiếu niên là một phần thuộc *Quy chế thi* hiện hành của Viện Goethe.

Các quy định tổ chức thi miêu tả cấu trúc của từng kỳ thi và quy định các điều kiện cụ thể về việc tổ chức thi, quy trình thi, chấm điểm và tính kết quả thi.

Kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT B1 được hợp tác phát triển bởi Viện Goethe, Viện ÖSD và Khoa Nghiên cứu đa ngôn ngữ và giảng dạy ngoại ngữ/ tiếng Đức là ngoại ngữ của trường đại học Fribourg/Thụy Sĩ. Kỳ thi được tổ chức và chấm điểm theo các tiêu chí thống nhất trên toàn cầu tại các trung tâm tổ chức thi có đề cập trong § 2 của *Quy chế thi*.

Kỳ thi này chứng nhận bậc trình độ thứ ba - B1- trong thang đánh giá năng lực gồm 6 bậc đã được mô tả trong *Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu (GER)* và theo đó, chứng nhận khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách độc lập.

§ 1 Mô tả kỳ thi

Xem thêm *Quy chế thi* §1

1.1 Cấu trúc kỳ thi

Kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT B1 dành cho người trưởng thành và thanh thiếu niên bao gồm 4 mô-đun. Thí sinh có thể thi riêng lẻ hoặc thi kết hợp cả 4 mô-đun này:

- 3 mô-đun viết thi theo nhóm là: ĐỌC, NGHE, VIẾT
- 1 mô-đun nói thi theo cặp hoặc thi đơn lẻ (trường hợp ngoại lệ): NÓI.

1.2 Prüfungsmaterialien

Die Prüfungsmaterialien bestehen aus *Kandidatenblättern* mit Antwortbögen (*Lesen, Hören, Schreiben*), *Prüferblättern* mit den Bögen *Schreiben – Bewertung, Sprechen – Bewertung, Schreiben – Ergebnis, Sprechen – Ergebnis* sowie einer Audiodatei.

Die *Kandidatenblätter* enthalten die Aufgaben für die Prüfungsteilnehmenden:

- Texte und Aufgaben zum Modul LESEN (Teil 1-5);
- Aufgaben zum Modul HÖREN (Teil 1-4);
- Aufgaben zum Modul SCHREIBEN (Teil 1-3);
- Aufgaben zum Modul SPRECHEN (Teil 1-3, für Teil 2 jeweils zwei Themen zur Wahl).

In die Antwortbögen tragen die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen bzw. ihren Text ein. Für die Module SCHREIBEN und SPRECHEN wird den Prüfungsteilnehmenden vom Prüfungszentrum gestempeltes Konzeptpapier zur Verfügung gestellt.

Die *Prüferblätter* enthalten für

- das Modul LESEN die Lösungen,
- das Modul HÖREN die Transkriptionen der Hörtexte und die Lösungen,
- die Module SCHREIBEN und SPRECHEN die Kriterien zur Bewertung der Leistungen,
- das Modul SCHREIBEN Hinweise zur Durchführung und Bewertung sowie pro Aufgabe jeweils zwei Leistungsbeispiele für das Niveau B1 und die Bewertungskriterien,
- das Modul SPRECHEN Hinweise zur Gesprächsführung und Moderation sowie die Bewertungskriterien.

In die Antwortbögen *Lesen* und *Hören* bzw. in die Bögen *Schreiben – Bewertung* und *Sprechen – Bewertung* tragen die Prüfenden ihre Bewertung ein. Die Ergebnisse werden jeweils auf die Bögen *Schreiben – Ergebnis* und *Sprechen – Ergebnis* übertragen.

Die Audiodatei enthält die Texte zum Modul HÖREN sowie alle Anweisungen und Informationen.

1.2 Tài liệu thi

Tài liệu thi bao gồm *Tài liệu thi dành cho thí sinh* có Phiếu trả lời (*Đọc, Nghe, Viết*), *Tài liệu thi dành cho người chấm thi* có *Phiếu chấm Viết, Phiếu chấm Nói, Phiếu Kết quả Viết, Phiếu Kết quả Nói* cũng như tệp file nghe.

Tài liệu thi dành cho thí sinh bao gồm các đề bài cho thí sinh:

- các văn bản và đề bài cho mô-đun ĐỌC (phần 1-5);
- các đề bài cho mô-đun NGHE (phần 1-4);
- các đề bài cho mô-đun VIẾT (phần 1-3);
- các đề bài cho mô-đun NÓI (phần 1-3, phần 2 có 2 chủ đề để lựa chọn).

Các thí sinh ghi phần trả lời hoặc đoạn văn của mình vào Phiếu trả lời. Thí sinh được phát giấy nháp có đóng dấu của trung tâm tổ chức thi cho mô-đun thi VIẾT và NÓI.

Tài liệu dành cho người chấm thi bao gồm:

- đáp án cho mô-đun ĐỌC,
- lời thoại của các bài nghe và đáp án của mô-đun NGHE,
- các tiêu chí chấm điểm mô-đun VIẾT và NÓI,
- hướng dẫn thực hiện và chấm bài viết cùng với 2 bài ví dụ mẫu cho mỗi bài thi ở trình độ B1 của mô-đun VIẾT và tiêu chí chấm điểm,
- hướng dẫn tiến hành cuộc trò chuyện và dẫn dắt mô-đun NÓI cũng như tiêu chí chấm điểm

Người chấm thi ghi phần cho điểm của mình vào Phiếu trả lời phần *Đọc* và *Nghe* cũng như vào *Phiếu chấm Viết* và *Phiếu chấm Nói*. Kết quả được ghi vào *Phiếu Kết quả Viết* và *Kết quả Nói*.

Tệp file nghe bao gồm các bài của phần thi NGHE cũng như tất cả các thông tin và chỉ dẫn.

1.3 Module

Die Materialien liegen als vier Module vor. Die Module können einzeln oder in Kombination abgelegt werden.

1.4 Zeitliche Organisation

Bei Ablegen aller vier Module an einem Prüfungstermin finden die schriftlichen Module als Gruppenprüfung in der Regel vor dem mündlichen Modul statt.

Die schriftlichen Module dauern ohne Pausen insgesamt circa 165 Minuten:

Modul	Dauer
LESEN	65 Minuten
HÖREN	ca. 40 Minuten
SCHREIBEN	60 Minuten
Gesamt	ca. 165 Minuten

Das Modul SPRECHEN wird in der Regel als Paarprüfung durchgeführt, in Ausnahmefällen ist auch eine Einzelprüfung möglich. Eine Paarprüfung dauert circa 15 Minuten, eine Einzelprüfung dauert circa 10 Minuten. Zur Vorbereitung auf die mündliche Prüfung erhalten die Teilnehmenden sowohl für die Paar- als auch für die Einzelprüfung 15 Minuten Zeit.

Für Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf können die angegebenen Zeiten verlängert werden. Einzelheiten sind in den *Ergänzungen zu den Durchführungsbestimmungen: Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf* geregelt.

1.5 Protokoll über die Durchführung der Prüfung

Über die Durchführung der Prüfung wird ein Protokoll geführt, das besondere Vorkommnisse während der Prüfung festhält und mit den Prüfungsergebnissen archiviert wird.

1.3 Các mô-đun thi

Các tài liệu thi được biên soạn thành 4 mô-đun. Các mô-đun có thể được thi riêng lẻ hoặc kết hợp với nhau.

1.4 Thời gian thi

Các mô-đun viết được thi theo nhóm thường diễn ra trước mô-đun nói nếu thí sinh thi cả 4 mô-đun vào cùng một đợt.

Các mô-đun viết kéo dài tổng cộng khoảng 165 phút, không tính thời gian nghỉ giải lao:

Mô-đun	Thời gian thi
ĐỌC	65 phút
NGHE	khoảng 40 phút
VIẾT	60 phút
Tổng cộng	khoảng 165 phút

Mô-đun NÓI thường được tiến hành theo cặp, trong trường hợp ngoại lệ cũng có thể tiến hành theo hình thức thi riêng lẻ. Phần thi nói theo cặp kéo dài 15 phút và thi riêng lẻ kéo dài 10 phút. Thí sinh có 15 phút để chuẩn bị cho phần thi nói bất kể thi theo cặp hay thi riêng lẻ.

Đối với những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt thì thời gian thi nêu trên có thể kéo dài hơn. Chi tiết về mục này được nêu trong *Các quy định tổ chức thi bổ sung: Những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt*.

1.5 Biên bản tổ chức thi

Quá trình tổ chức thi được ghi lại trong Biên bản thi, trong đó nêu những sự việc đặc biệt diễn ra trong quá trình thi và được lưu trữ cùng với kết quả thi.

§ 2 Die schriftlichen Module LESEN, HÖREN und SCHREIBEN

Werden die drei schriftlichen Module an einem Prüfungstermin angeboten, wird folgende Reihenfolge empfohlen: LESEN – HÖREN – SCHREIBEN. Aus organisatorischen Gründen kann diese Reihenfolge vom jeweiligen Prüfungszentrum geändert werden.

Zwischen jedem dieser Module ist eine Pause von mindestens 15 Minuten vorzusehen.

2.1 Vorbereitung

Vor dem Prüfungstermin bereitet der/die Prüfungsverantwortliche unter Beachtung der Geheimhaltung die Prüfungsmaterialien vor. Dazu gehört auch eine inhaltliche Überprüfung inklusive der Audiodatei sowie deren Funktionalität.

2.2 Ablauf

Vor Beginn des jeweiligen Moduls weisen sich alle Teilnehmenden aus. Die Aufsichtsperson gibt danach alle notwendigen organisatorischen Hinweise.

Vor Beginn der jeweiligen Module werden die entsprechenden *Kandidatenblätter* und Antwortbögen sowie bei Bedarf gestempeltes Konzeptpapier ausgegeben.

Die Teilnehmenden tragen alle erforderlichen Daten auf Antwortbögen und Konzeptpapier ein; erst dann beginnt die eigentliche Prüfungszeit.

Die *Kandidatenblätter* zum jeweiligen Modul werden ohne Kommentar ausgegeben; alle Aufgabenstellungen sind auf den *Kandidatenblättern* erklärt.

Am Ende des jeweiligen Moduls werden alle Unterlagen, auch das Konzeptpapier, eingesammelt. Beginn und Ende der Prüfungszeit werden jeweils in geeigneter Form von der Aufsichtsperson mitgeteilt.

§ 2 Các mô-đun phần thi viết ĐỌC; NGHE và VIẾT

Nếu cả 3 mô-đun phần thi viết diễn ra trong cùng một đợt thi thì nên tổ chức theo trình tự sau: ĐỌC - NGHE - VIẾT. Vì những lý do về khâu tổ chức, trình tự thi này có thể được thay đổi bởi trung tâm tổ chức thi.

Giữa các mô-đun thi này phải có nghỉ giải lao tối thiểu 15 phút.

2.1 Chuẩn bị thi

Trước kỳ thi, người phụ trách tổ chức kỳ thi chuẩn bị tài liệu thi theo nguyên tắc bảo mật. Việc chuẩn bị cũng bao gồm cả việc kiểm tra lại nội dung đề thi và xem file nghe có hoạt động không.

2.2 Quy trình thi

Trước khi bắt đầu mỗi mô-đun thi, các thí sinh trình chứng minh nhân thân. Sau đó, giám thị coi thi thông báo tất cả các hướng dẫn cần thiết thuộc về khâu tổ chức.

Trước khi bắt đầu từng mô-đun thi, thí sinh được phát *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và Phiếu trả lời cũng như giấy nháp có đóng dấu nếu cần.

Thí sinh điền tất cả những thông tin cần thiết vào Phiếu trả lời và giấy nháp. Chỉ sau đó, thời gian thi mới chính thức bắt đầu.

Tài liệu thi dành cho thí sinh của từng mô-đun được phát mà không có bất cứ bình luận nào; tất cả các yêu cầu đề bài đã được giải thích trong *Tài liệu thi dành cho thí sinh*.

Cuối mỗi mô-đun thi, tất cả các tài liệu thi kể cả giấy nháp được thu lại. Giám thị coi thi thông báo thời điểm bắt đầu và kết thúc giờ thi thông qua hình thức phù hợp.

Für das Ablegen der drei schriftlichen Module an einem Prüfungstermin gilt folgender Ablauf:

1. Die Prüfung beginnt in der Regel mit dem Modul LESEN. Die Teilnehmenden markieren ihre Lösungen auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den Antwortbogen *Lesen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen planen die Teilnehmenden circa 5 Minuten innerhalb der Prüfungszeit ein.
2. Nach einer Pause wird in der Regel das Modul HÖREN durchgeführt. Die Audiodatei wird von der Aufsichtsperson gestartet. Die Teilnehmenden markieren ihre Lösungen zunächst auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den Antwortbogen *Hören*. Für das Übertragen ihrer Lösungen stehen den Teilnehmenden circa 5 Minuten innerhalb der Prüfungszeit zur Verfügung.
3. Danach bearbeiten die Teilnehmenden in der Regel das Modul SCHREIBEN. Den Text verfassen die Teilnehmenden direkt auf dem Antwortbogen *Schreiben*. Falls die Teilnehmenden den Text zunächst auf Konzeptpapier verfassen, planen sie für das Übertragen ihres Textes auf den Antwortbogen *Schreiben* ausreichend Zeit innerhalb der Prüfungszeit ein.

§ 3 Das Modul SPRECHEN

Das Einführungsgespräch einschließlich Vorstellung der Prüfenden und des/der Teilnehmenden dauert circa eine Minute.

Teil 1 dauert circa 2–3 Minuten, Teil 2 circa 3–4 Minuten pro PTN und Teil 3 circa 1–2 Minuten pro PTN.

Die gesamte Prüfung dauert also circa 15 Minuten (Paarprüfung) bzw. 10 Minuten (Einzelprüfung).

3.1 Organisation

Für die Prüfung steht ein geeigneter Raum zur Verfügung. Tisch- und Sitzordnung werden so gewählt, dass eine freundliche Prüfungsatmosphäre entsteht. Die Zusammenstellung der Teilnehmenden der Paarprüfung erfolgt nach dem Zufallsprinzip.

Nếu 3 mô-đun phần thi viết diễn ra trong cùng một đợt thi thì trình tự thi như sau:

1. Kỳ thi thường bắt đầu với mô-đun ĐỌC. Thí sinh đánh dấu đáp án của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và cuối cùng chuyển các đáp án này vào Phiếu trả lời mô-đun thi *Đọc*. Các thí sinh dành khoảng 5 phút trong tổng thời gian thi để chuyển đáp án vào Phiếu trả lời.
2. Thông thường, sau khi nghỉ giải lao là mô-đun NGHE. Giám thị coi thi bật tệp file nghe. Thí sinh trước hết đánh dấu đáp án của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và sau cùng chuyển các đáp án này vào Phiếu trả lời mô-đun thi *Nghe*. Thí sinh có khoảng 5 phút trong tổng thời gian thi để chuyển đáp án của mình vào Phiếu trả lời.
3. Thông thường, thí sinh sau đó làm mô-đun VIẾT. Thí sinh viết trực tiếp bài vào Phiếu trả lời mô-đun thi *Viết*. Trong trường hợp thí sinh viết bài vào nháp trước thì thí sinh cần dự tính đủ thời gian trong tổng thời gian thi để chuyển bài viết của mình vào Phiếu trả lời mô-đun thi *Viết*.

§ 3 Mô-đun NÓI

Phần mở đầu bao gồm giới thiệu của người hỏi thi và của thí sinh diễn ra trong khoảng một phút.

Phần thi nói 1 kéo dài khoảng 2–3 phút, phần 2 khoảng 3–4 phút mỗi thí sinh và phần 3 khoảng 1–2 phút mỗi thí sinh.

Thời gian thi kéo dài tổng cộng khoảng 15 phút (thi theo cặp đôi) và 10 phút (thi riêng lẻ).

3.1 Khâu tổ chức

Một phòng phù hợp được bố trí cho kỳ thi. Việc sắp xếp bàn và ghế phải đảm bảo tạo được bầu không khí thi cử thân thiện. Việc sắp xếp các thí sinh thi theo cặp đôi được thực hiện theo nguyên tắc ngẫu nhiên.

Wie bei allen anderen Modulen muss die Identität des/der Teilnehmenden vor Beginn des Moduls SPRECHEN, gegebenenfalls auch während des Moduls SPRECHEN, zweifelsfrei festgestellt werden.

3.2 Vorbereitung

Für die Vorbereitung steht ein geeigneter Raum zur Verfügung. Die Aufsichtsperson gibt den Teilnehmenden ohne Kommentar die *Kandidatenblätter* für das Modul SPRECHEN; alle Aufgabenstellungen sind auf den *Kandidatenblättern* vermerkt. Für Notizen steht gestempeltes Konzeptpapier zur Verfügung. Die Teilnehmenden dürfen ihre in der Vorbereitungszeit erstellten stichpunktartigen Notizen während des Moduls SPRECHEN verwenden.

3.3 Ablauf

Das Modul SPRECHEN wird von zwei Prüfenden durchgeführt. Eine/-r der Prüfenden moderiert das Prüfungsgespräch.

Bei Aufgabe 3 gibt der/die andere Prüfende Rückmeldung und stellt eine Frage. Beide Prüfenden machen Notizen und bewerten die Prüfungsleistungen unabhängig voneinander.

Für das Modul SPRECHEN gilt folgender Ablauf:

Zu Beginn begrüßen die Prüfenden die Teilnehmenden und stellen sich selbst kurz vor. Der/Die Moderator/-in führt ein kurzes Gespräch mit den Prüfungsteilnehmenden zum Kennenlernen. Die Prüfenden erläutern vor jedem Prüfungsteil kurz die Aufgabenstellung.

1. In Teil 1 planen die Teilnehmenden etwas gemeinsam. Im Fall einer Einzelprüfung übernimmt eine/-r der Prüfenden die Rolle des Gesprächspartners/der Gesprächspartnerin.
2. In Teil 2 präsentieren die Teilnehmenden nacheinander ein Thema. Im Fall einer Einzelprüfung hält nur der/die Teilnehmende einen kurzen Vortrag.

Tương tự như đối với các mô-đun khác, danh tính của thí sinh dự thi phải được xác định rõ ràng trước khi mô-đun NÓI bắt đầu, trường hợp cần thiết có thể ngay cả khi quá trình thi nói đang diễn ra.

3.2 Công tác chuẩn bị

Một phòng phù hợp được bố trí cho việc chuẩn bị phần thi nói của thí sinh. Giám thị phát cho thí sinh *Tài liệu thi dành cho thí sinh* mô-đun NÓI mà không có bất cứ bình luận nào; Tất cả các yêu cầu của đề bài đều được ghi trong *Tài liệu thi dành cho thí sinh*. Thí sinh được phát giấy nháp có đóng dấu để ghi chép. Thí sinh được phép sử dụng các ghi chép đã thực hiện trong thời gian chuẩn bị khi thi mô-đun NÓI.

3.3 Tiến trình

Mô-đun NÓI được điều hành bởi hai người hỏi thi. Một trong hai người hỏi thi dẫn dắt phần thi.

Ở bài 3, người hỏi thi thứ hai đưa ra nhận xét và đặt một câu hỏi. Cả hai người tham gia hỏi thi ghi chép và đánh giá kết quả thi độc lập.

Mô-đun NÓI diễn ra theo trình tự sau:

Mở đầu, người hỏi thi chào hỏi thí sinh và tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân. Người đảm nhận vai trò dẫn dắt mô-đun thi thực hiện cuộc trò chuyện ngắn gọn với thí sinh để làm quen. Trước mỗi phần thi, người hỏi thi giải thích ngắn gọn về yêu cầu của phần thi.

1. Trong phần 1, hai thí sinh cùng lập kế hoạch làm một việc gì đó chung. Trường hợp thí sinh thi riêng lẻ, thì một người hỏi thi đảm nhận vai trò là bạn cùng thi của thí sinh.
2. Trong phần 2, hai thí sinh lần lượt trình bày một chủ đề. Trong trường hợp thi riêng lẻ thì chỉ thí sinh trình bày bài nói ngắn.

3. In Teil 3 geben der/die andere Teilnehmende und der/die zweite Prüfende, die bei der Präsentation zugehört haben, Rückmeldung zu dem Gehörten und stellen Fragen. Der/Die Teilnehmende, der/die den Vortrag gehalten hat, beantwortet diese Fragen. Im Fall einer Einzelprüfung stellt nur der/die Prüfende Fragen zum Vortrag.

Am Ende der Prüfung werden alle Unterlagen, auch das Konzeptpapier, eingesammelt.

§ 4 Bewertung schriftliche Module

Die Bewertung der schriftlichen Module findet im Prüfungszentrum oder in ausgewiesenen Diensträumen statt. Die Bewertung erfolgt jeweils durch zwei unabhängig Bewertende. Die Ergebnisse aus den schriftlichen Modulen werden nicht an die Prüfenden des Moduls SPRECHEN weitergegeben.

4.1 Modul LESEN

Im Modul LESEN gibt es 30 Items. Jedes Item ist ein Messpunkt. Pro Messpunkt und Lösung werden entweder 1 Punkt oder 0 Punkte vergeben.

Das Ergebnis wird auf 100 Ergebnispunkte umgerechnet. Dazu werden die erreichten Messpunkte mit 3,33 multipliziert und das Ergebnis jeweils gerundet:

Messpunkte	30	29	28	27	26	25	24	23	22	21
Ergebnispunkte	100	97	93	90	87	83	80	77	73	70

Messpunkte	20	19	18	17	16	15	14	13	12	11
Ergebnispunkte	67	63	60	57	53	50	47	43	40	37

Messpunkte	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	0
Ergebnispunkte	33	30	27	23	20	17	13	10	7	3	0

Die erzielten Ergebnisse werden in den Antwortbogen *Lesen* eingetragen, der von beiden Bewertenden gezeichnet wird.

3. Trong phần 3, thí sinh còn lại và người hỏi thi thứ hai là những người đã lắng nghe phần trình bày đưa ra nhận xét và đặt các câu hỏi. Thí sinh vừa trình bày chủ đề trả lời các câu hỏi của người nghe. Trong trường hợp thi riêng lẻ thì chỉ có người hỏi thi đặt câu hỏi

Cuối phần thi, tất cả các tài liệu liên quan đến kỳ thi, kể cả giấy nháp được thu lại.

§ 4 Chấm các mô-đun thi viết

Việc chấm các mô-đun thi viết diễn ra tại trung tâm tổ chức thi hoặc trong các phòng được chỉ định. Việc chấm thi được thực hiện bởi hai người chấm độc lập. Kết quả của các mô-đun thi viết không được chuyển cho người hỏi thi mô-đun NÓI.

4.1 Mô-đun ĐỌC

Mô-đun thi ĐỌC có 30 câu. Mỗi câu là một điểm quy chiếu. Mỗi điểm quy chiếu và mỗi đáp án được chấm điểm 1 hoặc điểm 0.

Kết quả được chuyển sang thang điểm 100 bằng cách nhân điểm quy chiếu đạt được với hệ số 3,33 và làm tròn kết quả.

Điểm quy chiếu	30	29	28	27	26	25	24	23	22	21
Điểm kết quả	10	97	93	90	87	83	80	77	73	70

Điểm quy chiếu	20	19	18	17	16	15	14	13	12	11
Điểm kết quả	67	63	60	57	53	50	47	43	40	37

Điểm quy chiếu	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	0
Điểm kết quả	33	30	27	23	20	17	13	10	7	3	0

Kết quả được ghi vào Phiếu trả lời phần thi Đọc và được ký xác nhận bởi cả hai người chấm thi.

4.2 Modul HÖREN

Im Modul HÖREN gibt es 30 Items. Jedes Item ist ein Messpunkt. Pro Messpunkt und Lösung werden entweder 1 Punkt oder 0 Punkte vergeben.

Das Ergebnis wird auf 100 Ergebnispunkte umgerechnet. Dazu werden die erreichten Messpunkte mit 3,33 multipliziert und das Ergebnis jeweils gerundet:

Messpunkte	30	29	28	27	26	25	24	23	22	21
Ergebnispunkte	100	97	93	90	87	83	80	77	73	70

Messpunkte	20	19	18	17	16	15	14	13	12	11
Ergebnispunkte	67	63	60	57	53	50	47	43	40	37

Messpunkte	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	0
Ergebnispunkte	33	30	27	23	20	17	13	10	7	3	0

Die erzielten Ergebnisse werden in den Antwortbogen *Hören* eingetragen, der von beiden Bewertenden gezeichnet wird.

4.3 Modul SCHREIBEN

Die Bewertung des Moduls SCHREIBEN erfolgt durch zwei voneinander unabhängig Bewertende nach festgelegten Bewertungskriterien (s. *Modellsatz*, Teil *Prüferblätter*). Es werden nur die vorgegebenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben; Zwischenwerte sind nicht zulässig. Die für die Vergabe der Punkte relevanten Fehlgriffe etc. werden auf dem Bogen *Schreiben – Bewertung* notiert.

Im Modul SCHREIBEN sind insgesamt maximal 100 Punkte erreichbar.

Es werden nur die auf dem Bogen *Schreiben – Bewertung* vorgesehenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben. Bewertet wird die Reinschrift auf dem Antwortbogen *Schreiben*.

4.2 Mô-đun NGHE

Mô-đun thi NGHE có 30 câu. Mỗi câu là một điểm quy chiếu. Mỗi điểm quy chiếu và mỗi đáp áp được chấm điểm 1 hoặc điểm 0.

Kết quả được chuyển sang thang điểm 100 bằng cách nhân điểm quy chiếu đạt được với hệ số 3,33 và làm tròn kết quả.

Điểm quy chiếu	30	29	28	27	26	25	24	23	22	21
Điểm kết quả	10	97	93	90	87	83	80	77	73	70

Điểm quy chiếu	20	19	18	17	16	15	14	13	12	11
Điểm kết quả	67	63	60	57	53	50	47	43	40	37

Điểm quy chiếu	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	0
Điểm kết quả	33	30	27	23	20	17	13	10	7	3	0

Kết quả cuối cùng được ghi vào Phiếu trả lời phần thi *Nghe* và được ký xác nhận bởi cả hai người chấm thi.

4.3 Mô-đun VIẾT

Mô-đun VIẾT được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi theo những tiêu chí được quy định (xem *Bài thi mẫu*, phần *Tài liệu dành cho người chấm thi*). Chỉ những thang điểm quy định đối với từng tiêu chí mới được chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp nhận. Những sai sót vv chú giải về điểm đã cho được ghi chép ở *Phiếu chấm Viết*.

Mô-đun VIẾT có thể đạt tối đa 100 điểm.

Người chấm thi chỉ chấm theo thang điểm có sẵn ở mỗi tiêu chí trên *Phiếu chấm Viết*. Chỉ chấm điểm phần viết ghi trên *Phiếu trả lời Viết*.

Die jeweiligen Punktwerte von Bewertung 1 und Bewertung 2 werden auf den Bogen *Schreiben – Ergebnis* übertragen. Zur Ermittlung des Gesamtergebnisses wird das arithmetische Mittel aus den beiden Bewertungen gezogen und auf volle Punkte auf- bzw. abgerundet.

Eine **Drittbewertung** (= Bewertung 3) erfolgt, wenn die vergebenen Punktzahlen für das Modul SCHREIBEN der/des einen Bewertenden **unterhalb** der Bestehensgrenze und der/des anderen Bewertenden **oberhalb** der Bestehensgrenze liegen und dabei **das arithmetische Mittel** aus beiden Bewertungen **unter der Bestehensgrenze** von 60 Punkten liegt.

Das Ergebnis wird auf dem Bogen *Schreiben – Ergebnis* eingetragen.

§ 5 Bewertung Modul SPRECHEN

Die Teile 1 bis 3 zur mündlichen Produktion werden von zwei Prüfenden getrennt bewertet.

Die Bewertung erfolgt nach festgelegten Bewertungskriterien (§. *Prüferblätter*). Es werden nur die vorgesehenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben; Zwischenwerte sind nicht zulässig.

Im Modul SPRECHEN sind maximal 100 Punkte erreichbar. Es werden nur die auf dem Bogen *Sprechen – Bewertung* vorgesehenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben. Das Einleitungsgespräch wird nicht bewertet.

Zur Ermittlung des Ergebnisses des Moduls SPRECHEN wird aus beiden Bewertungen das arithmetische Mittel gezogen und auf volle Punkte gerundet (bis 0,49 wird abgerundet, ab 0,5 wird aufgerundet). Das Ergebnis des Moduls SPRECHEN wird auf dem Bogen *Sprechen – Ergebnis* festgehalten und als rechnerisch richtig gezeichnet. Alternativ können die Bewertungen der Prüfenden auch in eine digitale Bewertungsmaske eingegeben werden; unabhängig davon, ob eine papierbasierte oder digitale Prüfung gebucht wurde. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten; daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

Các mức điểm trên Phiếu đánh giá 1 và Phiếu đánh giá 2 được chuyển vào *Phiếu Kết quả Viết*. Kết quả tổng thể là điểm trung bình cộng từ hai phiếu đánh giá và được làm tròn lên hoặc làm tròn xuống.

Bài viết sẽ được chấm lại lần thứ 3 (= Phiếu đánh giá 3) nếu điểm của một người chấm mô-đun Viết cho **thấp hơn** mức đỗ và điểm của người chấm thi còn lại cho **cao hơn** mức đỗ, và do đó, **điểm trung bình cộng** từ hai phiếu đánh giá **thấp hơn mức đỗ** được quy định là 60 điểm.

Kết quả được ghi vào *Phiếu Kết quả Viết*.

§5 Chấm điểm mô-đun NÓI

Các phần từ 1 đến 3 của mô-đun nói được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi.

Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí đã được quy định (xem *Tài liệu dành cho người chấm thi*). Chỉ những thang điểm quy định đối với mỗi tiêu chí mới được chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp nhận.

Mô-đun NÓI có thể đạt điểm tối đa là 100. Người chấm thi chỉ chấm theo thang điểm có sẵn ở mỗi tiêu chí trên *Phiếu chấm Nói*. Phần giới thiệu làm quen ban đầu không được chấm điểm.

Điểm của mô-đun thi NÓI là giá trị trung bình cộng của hai phần điểm đánh giá và được làm tròn (điểm lẻ đến 0,49 được làm tròn xuống, từ 0,5 được làm tròn lên). Kết quả của mô-đun thi NÓI được ghi vào *Phiếu Kết quả Nói* và được ký xác nhận tính chính xác. Người chấm thi cũng có thể cho điểm trên phiếu đánh giá ở dạng điện tử, không phân biệt thí sinh trước đó đã đăng ký thi dạng đề in trên giấy hay thi dạng điện tử trên máy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống thi thông qua mã đăng nhập cá nhân nên không cần ký xác nhận.

§ 6 Prüfungsergebnisse

Das jeweilige Ergebnis der Module LESEN und HÖREN wird auf den bewerteten Antwortbögen *Lesen* bzw. *Hören*, das Ergebnis der Module SCHREIBEN und SPRECHEN auf den Bögen *Schreiben – Ergebnis* bzw. *Sprechen – Ergebnis* dokumentiert.

6.1 Ermittlung der Gesamtpunktzahl

In jedem Modul können maximal 100 Punkte = 100 % erreicht werden.

6.2 Punkte, Prozentzahlen und Prädikate

Die Prüfungsleistungen der Teilnehmenden werden für jedes Modul auf der Zeugnisvorderseite in Form von Punkten bzw. Prozentzahlen dokumentiert. Auf der Zeugnistrückseite werden den Punkten Prädikate zugeordnet.

Punkte	Prädikat
100–90	sehr gut
89–80	gut
79–70	befriedigend
69–60	ausreichend
59–0	nicht bestanden

6.3 Bestehen des Moduls

Ein Modul ist bestanden, wenn mindestens 60 Punkte bzw. 60 % erreicht sind.

§ 7 Wiederholung und Zertifizierung der Module

Es gelten § 14 und § 15 der *Prüfungsordnung*.

Die Module können, sofern es die organisatorischen Möglichkeiten am Prüfungszentrum erlauben, beliebig oft abgelegt bzw. wiederholt werden.

§ 6 Kết quả thi

Kết quả của các mô-đun ĐỌC và NGHE được ghi vào Phiếu trả lời phần thi *Đọc* và *Nghe*. Kết quả của các mô-đun VIẾT và NÓI được ghi vào *Phiếu Kết quả Viết* và *Phiếu Kết quả Nói*.

6.1 Cách tính tổng điểm thi

Mỗi mô-đun có thể đạt số điểm tối đa là 100 = 100%.

6.2 Điểm số, điểm phần trăm và xếp loại

Kết quả thi của thí sinh cho mỗi mô-đun được ghi trên mặt trước của Chứng chỉ ở dạng điểm số hay điểm phần trăm. Ở mặt sau của Chứng chỉ có ghi các mức xếp loại tương ứng với số điểm

Điểm số	Xếp loại
100–90	giỏi
89–80	khá
79–70	trung bình khá
69–60	trung bình
59–0	không đạt

6.3 Điều kiện đỗ kỳ thi

Thí sinh thi đỗ một mô-đun nếu đạt được tối thiểu 60 điểm hay 60 %.

§ 7 Thi lại và cấp chứng chỉ

Áp dụng § 14 và § 15 trong *Quy chế thi*.

Nếu điều kiện tại trung tâm tổ chức thi cho phép thì thí sinh có thể thi hoặc thi lại các mô-đun nhiều lần.

§ 8 Schlussbestimmungen

Diese *Durchführungsbestimmungen* treten am 1. September 2025 in Kraft und gelten erstmals für Prüfungsteilnehmende, deren Prüfung nach dem 1. September 2025 stattfindet.

Im Falle von sprachlichen Unstimmigkeiten zwischen den einzelnen Sprachversionen der *Durchführungsbestimmungen* ist die deutsche Fassung maßgeblich.

§ 8 Kết luận

Các quy định tổ chức thi nêu trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 và áp dụng cho những thí sinh dự thi sau ngày 01 tháng 09 năm 2025.

Trong trường hợp có những chi tiết không thống nhất giữa các bản dịch của *Các quy định tổ chức thi* này, thì phiên bản bằng tiếng Đức được lấy làm chuẩn.

Legende zu Formatierungen:

VERSAL: Prüfungsnamen und Prüfungsteile (z. B. „Modul SPRECHEN“)

kursiv: Dokumentenbezeichnungen, Eigennamen, Verweise (z. B. „Der Bogen *Schreiben – Ergebnis* wird ...“)

ANHANG

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung digitaler Deutschprüfungen

Digitale Deutschprüfungen werden in Präsenz an einem Laptop des Prüfungszentrums des Goethe-Instituts abgelegt. Abweichend oder zusätzlich zu den oben stehenden Regelungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterialien) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Die Prüfungsteilnehmenden verfassen ihre Texte mit einer deutschen Tastatur. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über Kopfhörer ausgespielt.

Beim Modul/Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden die Aufgaben weiterhin auf Papier.

Für alle Module/Prüfungsteile können die Prüfungsteilnehmenden bei Bedarf vom Prüfungszentrum gestempeltes Konzeptpapier erhalten.

PHỤ LỤC

Quy định bổ sung về việc làm bài thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số

Các kỳ thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số được thực hiện trực tiếp trên máy tính xách tay tại trung tâm tổ chức thi của Viện Goethe. Các điểm sau đây khác hoặc được bổ sung cho các quy định đã được ghi ở phía trên:

1. Điểm khác với 1.2 (Tài liệu thi) như sau:

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Thí sinh viết bài làm của mình bằng bàn phím tiếng Đức. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thi thông qua thiết bị tai nghe

Đối với mô-đun/phần thi NÓI, thí sinh tiếp tục nhận đề thi dạng giấy

Đối với tất cả các mô-đun/các phần thi, thí sinh có thể nhận giấy nháp có dấu của trung tâm tổ chức thi nếu cần.

2. Abweichend von § 4 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

2. Điểm khác với §4 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm độc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung von Online-Deutschprüfungen

Online-Deutschprüfungen werden unter bestimmten Voraussetzungen (vgl. zusätzliche Regelungen in den Anhängen der *Prüfungsordnung* und *Durchführungsbestimmungen*) ortsunabhängig an einem privaten Desktop-Computer oder Laptop abgelegt. Für Online-Deutschprüfungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterial) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über den Lautsprecher abgespielt.

2. Zusätzlich zu 2.1 (Vorbereitung) gilt:

2.1 Die Prüfungsteilnehmenden verwenden einen Desktop-Computer oder Laptop mit Netzbetrieb, stabiler Internetverbindung, integriertem Mikrofon, integriertem/externem Lautsprecher und integrierter/externer Webcam.

2.2 Die Tastatursprache ist auf Deutsch eingestellt.

2.3 Die Prüfungsteilnehmenden stellen die Erfüllung der **technischen Voraussetzungen**, die im Folgenden sowie im Buchungsprozess aufgeführt werden, für die Prüfungsdurchführung eigenverantwortlich sicher:

Các quy định bổ sung về tiến hành kỳ thi tiếng Đức trực tuyến

Trong một số điều kiện nhất định (đối chiếu Các quy định bổ sung trong phần phụ lục của *Quy chế thi* và *Các quy định tổ chức thi*), các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến được tiến hành trên máy tính để bàn cá nhân hoặc máy tính xách tay tại bất cứ đâu. Đối với các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến áp dụng những phần sau:

1. Điểm khác với 1.2 (Tài liệu thi) như sau:

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thông qua loa.

2. Bổ sung vào 2.1 (Chuẩn bị thi):

2.1. Thí sinh sử dụng một máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay có kết nối mạng, kết nối internet ổn định, có micro tích hợp, loa tích hợp/loa ngoài và webcam tích hợp/webcam ngoài.

2.2 Bàn phím được cài tiếng Đức

2.3 Thí sinh có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng các **điều kiện kỹ thuật** được nêu dưới đây cũng như trong quá trình đặt lịch để có thể thực hiện thi.

Technische Voraussetzungen:

Gerät:

- Desktop-, Laptop-Computer oder Chromebook
- Sicherheitsüberprüfung und ggf. zweite Kamera: Smartphone

Monitor:

- ein Monitor oder Bildschirm
- mehrere Monitore oder Doppelbildschirme sind nicht zulässig

Lautsprecher/Mikrofon:

- interner oder externer Lautsprecher sowie ein im Computer oder der Webkamera integriertes Mikrofon
- Kopfhörer mit oder ohne eingebautes Mikrofon oder In-Ear-Kopfhörer sind nicht zulässig.

Kamera:

- Integrierte Kamera oder eine separate Webkamera
- Hinweis: Die Kamera muss so bewegt werden können, dass die Prüfungsaufsicht einen 360°-Blick auf den Raum, einschließlich der Tischoberfläche und Tischunterseite, erhält.
- Ggf. Smartphone als zweite Kamera

Browser:

- Google-Chrome™-Browser
- Browser des Dienstleisters für die virtuelle Prüfungsüberwachung wird beim Technik-Check und am Prüfungstag bereitgestellt.

Internetverbindung:

- Erforderlich: Upload- und Download-Geschwindigkeit von 5 Mbit/s
- Empfehlung: 10 Mbit/s

2.4 Unmittelbar vor der Prüfungsdurchführung müssen alle Computer-Anwendungen und Programme geschlossen sein, die nicht für die Prüfung relevant sind.

3. Abweichend von 2.2 (Ablauf) gilt:

3.1 Die Prüfungsteilnehmenden sorgen dafür, dass sie die Prüfung in einem störungsfreien Raum mit adäquaten Licht- und Sitzverhältnissen ablegen. Räume mit mehr als einer Tür oder mit großen Glasfronten sind nicht erlaubt.

Các điều kiện kỹ thuật:

Thiết bị:

- Máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc Chromebook
- Kiểm tra an toàn và trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng máy quay thứ hai: điện thoại thông minh

Màn hình:

- Một màn hình điều khiển hoặc màn hình
- Nhiều màn hình hoặc màn hình đôi không được chấp nhận.

Loa/ Mi-crô:

- Loa trong hoặc loa ngoài cũng như micro được tích hợp vào máy tính hoặc webcam
- Tai nghe có hay không có kèm mi-crô hoặc tai nghe trong tai không được chấp nhận.

Máy quay:

- Máy quay tích hợp được cài đặt trong máy hoặc Webcam tách rời
- Lưu ý: Máy quay phải có chức năng di chuyển, để người trông thi có góc nhìn 360 độ của cả phòng thi, bao gồm mặt bàn và gầm bàn.
- Trong trường hợp cần thiết, có thể sử dụng điện thoại thông minh như máy quay thứ hai

Trình duyệt:

- Trình duyệt Google-Chrome
- Trình duyệt của nhà cung cấp cho việc giám sát thi trực tuyến được cung cấp trong quá trình kiểm tra kỹ thuật và vào ngày thi.

Kết nối internet:

- Yêu cầu: Tốc độ tải lên và tải xuống là 5Mbit/s
- Đề xuất: 10 Mbit/s

2.4 Ngay trước khi tiến hành kỳ thi, tất cả các ứng dụng và chương trình máy tính không liên quan đến kỳ thi phải được đóng lại.

3. Điểm khác với 2.2 (Tiến trình) như sau:

3.1 Thí sinh phải đảm bảo làm bài thi trong một căn phòng không bị làm phiền với điều kiện ánh sáng và chỗ ngồi đầy đủ. Những phòng có nhiều hơn một cửa hoặc có mặt trước bằng kính lớn không được phép.

3.2 Während der Prüfung befinden sich außer dem/der Prüfungsteilnehmenden keine weiteren Personen oder Haustiere im Raum, Tür und Fenster werden geschlossen.

3.2 Trong khi làm bài thi, ngoài thí sinh ra, không có ai khác hay động vật ở trong phòng. Cửa và cửa sổ phải đóng.

3.3 Zur Sicherstellung, dass während der Prüfung keine weiteren Personen den Raum betreten, müssen Arbeitsplatz und Webcam so ausgerichtet werden, dass der/die Prüfungsteilnehmende und die Tür permanent im Bild sind.

3.3 Để đảm bảo trong khi làm bài không có người khác vào phòng, cửa sổ máy tính và webcam phải được căn chỉnh sao cho thí sinh và cửa luôn trong khung hình.

3.4 Der Prüfungsplatz wird so eingerichtet, dass die Arbeitsfläche leer ist und sich außer dem Desktop-Computer mit Monitor oder Laptop, Lichtbildausweis, ggf. Tastatur und Lautsprecher keine weiteren Gegenstände auf dem Tisch befinden. Wenn der Arbeitstisch über Schubladen verfügt, müssen diese vor der Prüfung leergeräumt werden. Hierzu erfolgt eine Kontrolle.

3.4 Địa điểm thi phải được bố trí sao cho bề mặt bàn làm bài trống và trên bàn không có đồ vật gì khác ngoài máy tính để bàn có màn hình hoặc máy tính xách tay, giấy tờ tùy thân có ảnh, bàn phím và loa nếu cần. Nếu bàn có ngăn kéo thì ngăn kéo phải được dọn sạch trước khi làm bài thi. Việc này sẽ được kiểm tra.

3.5 Zur Überprüfung der Einhaltung der Prüfungsbedingungen führt die Prüfungsaufsicht zusammen mit dem/der Prüfungsteilnehmenden eine Überprüfung des Raums per Webcam durch.

3.5 Để kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện thi, giám thị sẽ kiểm tra phòng qua webcam cùng với thí sinh dự thi.

3.6 Der/Die Prüfungsteilnehmende muss während der ganzen Prüfung erkennbar sein. Das Gesicht und die Ohren des/der Prüfungsteilnehmenden müssen während der gesamten Prüfung sichtbar sein und dürfen nicht verdeckt werden.

3.6 Trong suốt quá trình làm bài, thí sinh phải được nhận diện rõ. Khuôn mặt và tai của thí sinh phải được nhìn thấy trong suốt quá trình làm bài và không được che khuất.

3.7 Smartwatches, analoge Uhren, Schmuckstücke im Gesichtsbereich, Haarschmuck sowie gesichtsnahe Accessoires, wie z.B. Tücher, Schals, Krawatten, dürfen während der Prüfung nicht getragen werden, um zu gewährleisten, dass keine unerlaubten technischen Hilfsmittel benutzt werden.

3.7 Đồng hồ thông minh, các loại đồng hồ tương tự, đồ trang sức ở trên mặt, phụ kiện tóc và phụ kiện gần mặt, ví dụ như khăn choàng, khăn quàng cổ, cà vạt, không được đeo trong quá trình làm bài thi để đảm bảo thí sinh không sử dụng công cụ hỗ trợ kỹ thuật trái phép.

3.8 Mobiltelefone und weitere mobile Endgeräte müssen nachweislich ausgeschaltet und außerhalb der Reichweite des/der Prüfungsteilnehmenden deponiert werden.

3.8 Điện thoại di động và các thiết bị di động khác phải được tắt một cách rõ ràng và để ra khỏi tầm với của thí sinh dự thi.

3.9 Prüfungsteilnehmende verpflichten sich, die vorbereitenden Schritte zur Prüfungsdurchführung sowie die Hinweise der Prüfungsaufsicht zu beachten und Anweisungen umzusetzen.

3.9 Thí sinh cam kết tuân thủ các bước chuẩn bị cho kỳ thi cũng như các hướng dẫn của giám thị và thực hiện các hướng dẫn.

3.10 Der schriftliche Teil der Online-Deutschprüfung findet als Einzelprüfung statt. Der Prüfungsteil/Das Modul SPRECHEN wird abhängig von den Gegebenheiten am Prüfungszentrum entweder als Einzel- oder Paarprüfung durchgeführt.

Die zeitliche Organisation der Prüfung erfolgt gemäß 1.4.: Falls während der schriftlichen Prüfung ein Toilettengang erforderlich ist, wird der Zeitplan beibehalten und die Prüfungszeit nicht verlängert.

4. Abweichend von § 4 und § 5 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung (siehe dazu § 4 und § 5). Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

3.10 Các phần viết của kỳ thi tiếng Đức trực tuyến diễn ra dưới dạng các kỳ thi riêng lẻ. Phần thi/mô-đun NÓI được thực hiện dưới dạng thi cá nhân riêng lẻ hoặc thi theo cặp tùy thuộc vào điều kiện của trung tâm tổ chức thi.

Thời gian làm bài diễn ra như 1.4.: Nếu cần phải đi vệ sinh trong quá trình làm bài viết, tiến trình thi được giữ nguyên và thời gian làm bài không được kéo dài.

4. Điểm khác với § 4 và § 5 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm độc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy (xem thêm § 4 và § 5). Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.